

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIÁO DỤC MỞ Ở NƯỚC TA

TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN

1. Mở đầu

Một trong 9 nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước ta theo tinh thần NQTW8 (Khóa XI) là: "Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập".

Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta chưa có bất kỳ định nghĩa chính thức nào về giáo dục mở. Khái niệm này vẫn được các học giả nước ta hiểu một cách cảm tính và do đó có những cách hiểu khác nhau. Weller (2012) đã chỉ ra một phổ rộng các cách hiểu về từ "mở" qua sự xuất hiện tuần tự của các khái niệm như đại học mở, nguồn mở, tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER), khóa học mở (Open Course), nghiên cứu mở (Open Research), dữ liệu mở (Open Data), xuất bản truy cập mở (Open Access Publishing). Theo Weller thì tính mở hầu như đã trở thành một sáo ngữ trong giáo dục ngày nay, nhưng xét đến cùng chẳng còn mấy ai ủng hộ một nền giáo dục đóng.

Đối với nước ta, chủ trương chuyển từ một hệ giáo dục đóng sang hệ giáo dục mở là một bước chuyển vừa căn bản, vừa đột phá. Tuy nhiên, để không dừng lại ở một sáo ngữ, điều trước tiên là cần có cách hiểu thống nhất về khái niệm này.

Căn cứ vào cách hiểu được đưa ra bởi OECD (2007), trong bài viết này sẽ sử dụng định nghĩa được nêu trên Wikipedia như sau: "Giáo dục mở là thuật ngữ dùng để chỉ chung các sáng kiến về chương trình và thực tiễn dạy học nhằm mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục và đào tạo vốn được cung ứng qua các hệ thống giáo dục chính quy. Tính ngữ "mở" trong giáo dục mở nhằm nói tới việc dỡ bỏ các rào cản gây khó khăn cho người học về cơ hội cũng như về công nhận kết quả học tập tại cơ sở giáo dục".

2. Tác động của giáo dục mở đối với việc học suốt đời

Giáo dục mở quan hệ gắn bó với giáo dục suốt đời nhưng không phải là giáo dục suốt đời. Nếu giáo dục suốt đời hướng tới việc mở rộng thời gian và không gian giáo dục thì giáo dục mở quan tâm đến việc dỡ bỏ các rào cản không cần thiết trong tiếp cận giáo dục, tạo cơ hội để thực hiện việc học suốt đời. Có thể coi việc ra đời của Đại học Mở năm 1969 ở Anh và tiếp đó hàng loạt các đại học mở khác trên thế giới là bước đi đầu tiên của giáo dục mở với việc dỡ bỏ các rào cản trong chính sách và chỉ tiêu tuyển sinh đại học. Tuy nhiên, giáo dục mở chỉ thực sự có bước đột phá trong vòng 10 năm nay, kể từ khi Học viện MIT đưa lên mạng các học liệu mở, tiếp đó là sự bùng nổ của các tài

nguyên giáo dục mở OER, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận giáo dục miễn phí, mọi lúc, mọi nơi.

Năm 2007, các tổ chức và cá nhân hoạt động tích cực trong lĩnh vực giáo dục mở họp tại Cape Town (Nam Phi) ra Tuyên bố khẳng định: "Chúng ta đang ở đỉnh điểm của một cuộc cách mạng toàn cầu trong dạy và học. Các nhà giáo dục trên toàn thế giới đang tạo ra trên mạng internet một miền tài nguyên giáo dục rộng lớn, mở và miễn phí cho mọi người sử dụng. Các nhà giáo dục đó đang tạo dựng một thế giới, nơi mà mỗi người và mọi người trên trái đất có thể truy nhập và đóng góp vào tổng tri thức nhân loại. Họ cũng đang gieo các mầm sự phàm mới, nơi mà người dạy và người học cùng sáng tạo, định hình và thúc đẩy sự tiến hóa của tri thức, qua đó làm giàu thêm kĩ năng và sự hiểu biết của mình".

Như thế, ở giai đoạn phát triển hiện nay, giáo dục mở tập trung vào việc xây dựng, phát triển, khai thác các OER. Nghiên cứu mới đây (Hoosen 2012) cho biết hoạt động CER đã lan rộng tất cả các châu lục và ở mọi cấp học, mạnh nhất ở giáo dục đại học. Bước phát triển quan trọng nhất của OER trong năm 2011 là sự ra đời Khóa học trực tuyến mở đại chúng (Massive Open Online Course - MOOC) ở Đại học Standford. Đó là khóa học sinh động và miễn phí trên mạng với sự dẫn dắt trực tiếp của giảng viên cùng sự tham dự và tương tác của người học ở khắp nơi trên thế giới¹. Điều đặc biệt quan trọng là giảng viên MOOC là các nhà khoa học danh tiếng của các đại học hàng đầu, người học chỉ cần có máy tính nối mạng và sau khi hoàn tất khóa học được cấp chứng chỉ với chữ ký của giảng viên. Hai tổ chức giáo dục cung ứng MOOC, cụ thể là Udacity và EdX (gồm các đại học Harvard, MIT và Berkeley), còn tiến một bước quan trọng trong việc phối hợp với công ty khảo thí Pearson (gồm 4000 trung tâm tại 170 quốc gia) để tổ chức các kì thi có giám sát, làm cơ sở cấp tín chỉ cho học viên MOOC, tiến tới cấp văn bằng như sinh viên chính khóa. Vì thế, MOOC được coi là một giai đoạn phát triển mới của giáo dục đại học, thu hút sự tham gia của nhiều đại học lớn trên thế giới². Thậm chí, theo Marginson (2012) thì MOOC sẽ là tác nhân thay đổi cuộc chơi trong giáo dục đại học toàn cầu.

¹ Chẳng hạn trong MOOC đầu năm 2012 của MIT về "Các mạch và điện tử học" có 150.000 học viên thuộc 160 nước đăng ký theo học, tuổi từ 14 đến 74.

² Coursera, một tổ chức giáo dục cung ứng MOOC, tính đến cuối năm 2012 đã thu hút sự tham gia của 35 đại học thuộc 8 nước (trong đó có các đại học thuộc Ivy League như Princeton, Brown, Columbia), cung cấp 200 khóa học trực tuyến miễn phí, với 1,35 triệu sinh viên thuộc 196 nước theo học.



Xét ở tầm vĩ mô, vai trò tác nhân thay đổi của giáo dục mở nói chung, OER và MOOC nói riêng, thể hiện trên 3 phương diện: 1/ Do vượt qua rào cản của giáo dục truyền thống về cách học đổi mới trong một không-thời gian nhất định, giáo dục mở là giải pháp đột phá để hiện thực hóa chủ trương học suốt đời cho mọi người; 2/ Do chương trình được thiết kế mềm dẻo, có thể "may cắt" theo nhu cầu riêng của từng người học, giáo dục mở là bước tiến lớn trong việc cá thể hóa giáo dục; 3/ Do được cung cấp miễn phí, giáo dục mở cung cấp quan điểm giáo dục là lợi ích công, vì vậy cần "từ bỏ cách tiếp cận thị trường tự do đối với giáo dục, thay vào đó là sự hợp tác trong xây đắp và chia sẻ tri thức" (UNESCO & COL³, 2011a:35). Tuy thế, đến nay về cơ bản giáo dục mở vẫn chủ yếu là một phong trào. Đó là vì có những rào cản lớn trên hành trình phát triển của giáo dục mở.

3. Các rào cản

3.1. Rào cản về nhận thức

Tuy các hoạt động OER và MOOC có sức lan tỏa mạnh, nhưng nhận thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của chúng vẫn khu trú chủ yếu trong phạm vi các nhà trường và cá nhân tâm huyết với giáo dục mở. "Mặc dù có rất nhiều phấn khích và mong muốn lí tưởng, nhưng nhận thức về phong trào OER vẫn đóng khung ở cấp cơ sở" (Daniel và Uvalic-Trumbic 2012:3)

3.2. Rào cản về chính sách

Do rào cản về nhận thức nêu trên nên về cơ bản hoạt động OER và MOOC vẫn chưa tác động tới nhận thức của xã hội, đặc biệt là đối với các nhà hoạch định chính sách. Vì thế, nếu giáo dục suốt đời đã nhanh chóng chuyển từ đề xuất của ngành Giáo dục sang chính sách phát triển giáo dục ở hầu hết mọi quốc gia trên thế giới thì giáo dục mở chưa có được bước chuyển như vậy. Nghiên cứu của khối OECD (2007:69) chỉ ra rằng: "Cho đến nay rất ít chính phủ nắm lấy cơ hội sử dụng các dự án OER để thúc đẩy học suốt đời và mở rộng quy mô giáo dục đại học". Hội nghị Giáo dục mở tổ chức mới đây tháng 10/2012 tại Vancouver nhận định rằng giáo dục mở trong thập kỷ qua tập trung chủ yếu vào các OER, tạo dựng được một cấu trúc hạ tầng nội dung phong phú và chất lượng, nhưng đã đến lúc phải vượt khỏi phạm vi nội dung để đề cập đến các vấn đề mới như chính sách mở, đánh giá mở, hỗ trợ mở, văn hóa mở v.v...

3.3. Rào cản về xã hội

Giáo dục mở đòi hỏi một văn hóa chia sẻ và hợp tác, điều này vấp phải một rào cản quan trọng khi tư duy cạnh tranh thị trường đang có xu hướng thâm nhập vào giáo dục, kèm theo đó là một thói quen thờ ơ khá phổ biến ở nhiều nước, kể cả các nước trong

khối OECD. "Xem ra có nghịch lý trong cộng đồng học thuật, một mặt hết sức đề cao tầm quan trọng của việc chia sẻ rộng rãi các kết quả nghiên cứu và triển khai công việc trên cơ sở các dữ liệu khoa học hiện có, mặt khác lại thường thể hiện thái độ thờ ơ trong việc chia sẻ hoặc sử dụng các tài nguyên giáo dục do người khác tạo ra" (OECD 2007: 60).

3.4. Rào cản về kĩ thuật

Đó là rào cản liên quan đến mức độ phát triển của hạ tầng ICT và sự thông thạo về ICT. Rào cản này thể hiện rõ nhất ở các nước đang phát triển, đặc biệt ở khu vực Châu Phi.

3.5. Rào cản về kinh tế

Đó là việc thiếu nguồn lực tài chính cần thiết để đầu tư vào phần cứng, phần mềm, cùng các chi phí để xây dựng, phát triển và duy trì các dự án OER.

3.6. Rào cản khác

Nghiên cứu của Hoosen (2012) cho thấy các rào cản khá đa dạng và có mức độ khác nhau từ nước này sang nước khác, từ khu vực này sang khu vực khác. Ngoài các rào cản nêu trên, còn phải kể đến một số rào cản khác như ngôn ngữ (phần lớn các OER và MOOC là bằng tiếng Anh), chất lượng của các OER, vấn đề bản quyền. Nhìn chung, Việt Nam cũng đang đứng trước các rào cản trên con đường xây dựng giáo dục mở như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, hiện chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về vai trò cùng mức độ tác động của các rào cản này. Vì thế, ở đây chỉ có thể đưa ra một phác thảo ban đầu về các rào cản căn cứ vào hiện trạng giáo dục cùng các điều kiện kinh tế-xã hội nước ta.

- Trước hết, là rào cản về nhận thức: Trên phạm vi quốc tế ngày nay, nhận thức về giáo dục mở đã chuyển từ nhận thức về đại học mở sang nhận thức về OER, và mới đây là về MOOC. Ở nước ta, khó mà nói đã có nhận thức đúng đắn về đại học mở, càng không có nhận thức rõ ràng về OER. Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng, cơ hội và thách thức của OER còn mờ hổng ngay cả trong ngành giáo dục.

- Tiếp nữa, là rào cản về chính sách: UNESCO & COL đã tiến hành khảo sát về vai trò của các chính phủ trong việc xây dựng chính sách về OER. Kết quả khảo sát từ 19 nước Châu Á-Thái Bình Dương (trong đó có Việt Nam) cho thấy mới có chính phủ 5 nước (Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, Índônêxia, Thái Lan) chính thức có chính sách về OER. Việt Nam được đánh giá là có một số dự án OER đang được triển khai và là thành viên tích cực của Hiệp hội OCW. Tuy nhiên "đã đến lúc chín mùi để Chính phủ (Việt Nam) có một kế hoạch OER gắn kết các hoạt động đó với nhau" (Daniel và Uvalic-Trumbic 2012:6).

- Thứ ba, là rào cản về sức ép của hệ thống giáo dục: Giáo dục nước ta, trong 27 năm đổi mới vừa qua, đã có nhiều bước tiến quan trọng nhưng vẫn chủ yếu là một hệ thống đóng, tập trung vào đầu vào và hướng

³COL (Commonwealth of Learning) là một tổ chức liên chính phủ thuộc Khối Thịnh vượng chung, có mục đích khuyến khích sự chia sẻ tri thức, tài nguyên, công nghệ trong giáo dục từ xa, giáo dục mở.

tới thi cử. Hai đại học mở là một minh chứng điển hình cho sức ý trong một mô hình khép kín. Riêng về OER thì giáo dục nước ta mới đang ở bước đi ban đầu với một số hoạt động về học liệu mở (Open CourseWare, OCW) và tài nguyên giáo dục mở OER. Các hoạt động này còn nhỏ lẻ, tập trung ở một số trường đại học và cá nhân yêu thích đưa ICT vào dạy và học. Cộng đồng OCW của Edunet cũng mới chỉ có 10 trường đại học tham gia. Dự án Học liệu mở Việt Nam (VOCW), sau khi được bàn giao lại cho Bộ GD&ĐT, có biểu hiện không bền vững, website <http://www.vocw.edu.vn> chẳng còn đưa đến học liệu nào.

- *Thứ tư, là rào cản về lợi ích:* Điều này có liên quan đến việc thực thi sáng kiến về sách giáo khoa mở. Đó là loại sách giáo khoa trong đó các quy định về bản quyền được nới lỏng đến mức tác giả cho phép sách được sử dụng miễn phí, được nhân bản, thậm chí được sao chép hoặc ghép nối với các tài liệu khác, miễn là phải dẫn tên tác giả sách giáo khoa. Mặc dù bị các nhà xuất bản phản đối nhưng sách giáo khoa mở hiện được hưởng ứng mạnh mẽ: Bangladesh và Ấn Độ đã cung ứng sách giáo khoa điện tử miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12, Hàn Quốc đang có kế hoạch cung ứng cho mọi học sinh máy tính và sách giáo khoa điện tử miễn phí. Vấn đề đặt ra đối với nước ta trên hành trình xây dựng và triển khai giáo dục mở là áp dụng kinh nghiệm thế giới như thế nào vào việc ấn hành sách giáo khoa để nâng cao hiệu quả chi phí trong giáo dục.

- *Cuối cùng, là rào cản về ngôn ngữ và kỹ thuật:* Suốt 10 năm nay các đại học, nhất là các đại học hàng đầu ở những nước phát triển, luôn đóng vai trò nòng cốt và dẫn đầu trong việc khởi xướng, triển khai, thúc đẩy phong trào giáo dục mở thông qua các hoạt động OER và MOOC. Học sinh, sinh viên, kể cả nhà giáo ở các nước đang phát triển có thể tiếp cận với giáo dục tiên tiến có chất lượng từ các tài nguyên OER cũng như khóa học MOOC. Tuy nhiên, có một rào cản đáng quan tâm ở nước ta, đó là hạ tầng ICT còn yếu kém và năng lực ngoại ngữ chưa được nâng cao.

4. Một số giải pháp xây dựng giáo dục mở ở nước ta

4.1. Giải pháp nâng cao nhận thức về giáo dục mở

Đây là lần thứ hai chủ trương về giáo dục mở được đưa vào văn kiện của Đảng. Lần thứ nhất, cách đây 8 năm, Đại hội X của Đảng chủ trương chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở. Chủ trương đó là quá sớm bởi lẽ lúc đó cơ sở lý luận cũng như cơ sở thực tiễn của giáo dục mở còn non trẻ. Điều đó giải thích vì sao chủ trương đó chỉ nằm lại trên văn bản. Lần này, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI) chủ trương hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân thành hệ thống giáo

đục mở. Chủ trương này đã có cơ sở thực tiễn về hoạt động OER trong nước và đặc biệt là phong trào giáo dục mở trên khắp thế giới. Tuy nhiên, cách hiểu cũng như nhận thức về giáo dục mở còn mờ nhạt, cảm tính và phân kì. Nghiên cứu khoa học về nó cũng hầu như chưa có gì. Vì vậy, cần làm rõ và nâng cao nhận thức về giáo dục mở qua những biện pháp sau đây:

- Thảo luận, tranh luận rộng rãi để đi tới cách hiểu thống nhất về giáo dục mở;

- Làm rõ vai trò, tác động, lợi ích, tầm quan trọng của giáo dục mở thông qua các tài liệu nghiên cứu quốc tế;

- Tiến hành nghiên cứu khoa học về giáo dục mở trong các cơ sở nghiên cứu khoa học giáo dục cũng như trong các trường đại học;

- Thông qua các cơ quan truyền thông để nâng cao nhận thức về giáo dục mở trong và ngoài ngành giáo dục, giữa các nhà giáo, nhà khoa học, cán bộ quản lý giáo dục, nhà hoạch định chính sách, tạo cơ sở đồng thuận cho việc đề xuất chính sách.

4.2. Giải pháp xây dựng và phát triển chính sách về giáo dục mở

Hiện nay, tại các nước phát triển, chính sách giáo dục mở đã vượt qua giai đoạn xây dựng các đại học mở để chuyển sang giai đoạn tập trung vào khai thác và phát triển các OER, triển khai các MOOC. Ở nước ta, chúng ta chưa có chính sách cụ thể và nhất quán về giáo dục mở: các đại học mở vẫn thực chất là các cơ sở giáo dục khép kín trong tuyển sinh truyền thống, các OER chưa được quan tâm xây dựng và phát triển, nhìn chung hệ thống giáo dục nước ta vẫn là một hệ thống cứng nhắc, hư học, cùng nhiều rào cản trong cơ hội tiếp cận cũng như trong công nhận trình độ. Vì vậy, vấn đề xây dựng chính sách giáo dục mở nói chung, chính sách OER nói riêng, phải được đặt ra một cách thiết thực trong việc hoạch định chính sách phát triển giáo dục Việt Nam. Cần cứ hiện trạng giáo dục nước ta, giải pháp về chính sách cần tập trung tháo gỡ các rào cản không cần thiết trên con đường người học đến với giáo dục. Cụ thể cần triển khai các biện pháp sau đây:

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Khung trình độ giáo dục (KTĐQG), coi đó là một công cụ thể chế quan trọng để tái cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân theo định hướng hệ thống giáo dục mở, học suốt đời và xây dựng XHHT; khắc phục các rào cản hiện có trong nhận thức về các trình độ giáo dục; hỗ trợ việc đánh giá và xác nhận kết quả học tập đầu ra trong giáo dục không chính quy và phi chính quy; qua đó nâng cao tính minh bạch của hệ thống giáo dục quốc dân, tạo thuận lợi cho người học trong việc lựa chọn cách học phù hợp, cho người sử dụng lao động trong tuyển dụng theo năng lực, cho các đối tác quốc tế trong so sánh và chuyển đổi trình độ giáo dục.

- Bảo đảm sự gắn kết toàn hệ thống giữa các cơ



sở giáo dục thường xuyên với các cơ sở giáo dục chính quy của hệ thống giáo dục quốc dân, với định hướng chung là học suốt đời, xây dựng XHHT. Muốn vậy, tất cả các cơ sở giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên phải xây dựng và phát triển chương trình giáo dục xoay quanh một hệ thống năng lực chung cốt lõi được cụ thể hóa qua KTĐQG.

- Kiện toàn Viện Đại học Mở Hà Nội và Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thành hai cơ sở giáo dục đại học mở theo đúng nghĩa của nó, nghĩa là dỡ bỏ dần các rào cản cho người học trên con đường đến với giáo dục đại học; trước mắt dỡ bỏ rào cản về chính sách tuyển sinh, tiếp nữa dỡ bỏ các rào cản về địa lí, về đi lại, về chi phí cho tài liệu, giáo trình trên cơ sở phát triển giáo dục từ xa, giáo dục điện tử, xây dựng và khai thác các tài nguyên giáo dục mở OER, triển khai MOOC.

- Xây dựng chiến lược e-giáo dục và triển khai áp dụng cho toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải đi đầu trong tổ chức thực hiện với tư cách là các trung tâm học suốt đời.

- Xây dựng các tổ chức học tập trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Thí điểm xây dựng một số đô thị học tập, rút kinh nghiệm để triển khai dần trong toàn quốc.

4.3. Giải pháp phát triển các tài nguyên giáo dục mở OER.

Trả lời khảo sát của UNESCO & COL về vai trò của chính phủ trong việc xây dựng chính sách về OER, Việt Nam cho biết các nhà hoạch định chính sách đang có kế hoạch phát triển OER, bao gồm: 1/ Xây dựng hạ tầng cơ sở, công cụ và hỗ trợ kĩ thuật; 2/ Phát triển học liệu chất lượng cao từ nguồn OER của các đại học hàng đầu thế giới; 3/ Cung cấp cho cộng đồng OER các học liệu phù hợp với văn hóa Việt Nam và yêu cầu của đất nước; 4/ Xây dựng phương pháp mới để phát triển các học liệu mẫu; 5/ Thành lập cộng đồng những người Việt Nam sử dụng OER đồng thời khuyến khích sự đóng góp và chia sẻ tri thức; 6/ Thúc đẩy liên kết mạng với các cộng đồng OER quốc tế (Hoosen 2012: 20). Rõ ràng đó là một kế hoạch rất đáng hoan nghênh. Chỉ e rằng kế hoạch này mang dáng dấp cổ hữu của bệnh hìnht thức hoặc bệnh thành tích bởi lẽ ngay trong Chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020 không có một từ nào liên quan đến học liệu mở, tài nguyên giáo dục mở. Vì thế, cùng các giải pháp nêu ở mục 4.2, Nhà nước cần cụ thể hóa 6 chính sách phát triển OER nói trên thành việc làm cụ thể. Về phía các trường đại học, cần có sự chuyển biến thực sự trong việc xây dựng giáo dục mở thông qua khai thác và phát triển các OER.

Điều đáng quan tâm là phong trào OER hiện đang diễn tiến theo mô hình trung tâm-ngoại vi: ở trung tâm là các đại học lớn ở các nước phát triển, ở ngoại vi là các đại học ở những nước đang phát triển, trung tâm đóng vai trò chi phối và dẫn dắt. Vì thế, có nguy cơ là phong

trào OER dẫn tới một thứ chủ nghĩa thực dân mới, tức là tri thức tạo ra trong bối cảnh kinh tế-xã hội của các nước phát triển được áp đặt vào các nước đang phát triển với những ưu tiên kinh tế-xã hội và truyền thống văn hóa khác biệt. Trước tình thế đó, vai trò của các đại học ở các nước đang phát triển khá phức tạp. Căn cứ vào "Tài liệu hướng dẫn về OER trong giáo dục đại học" của UNESCO & COL (2011b), các trường đại học nước ta cần xem xét triển khai các biện pháp sau đây:

- Đưa nhiệm vụ khai thác và phát triển các OER vào trong chiến lược phát triển của nhà trường;
- Có chính sách tạo động lực để khuyến khích giảng viên, sinh viên tăng cường sử dụng OER trong nghiên cứu, dạy và học; công bố và phát triển các OER;
- Xác định tầm quan trọng của OER trong quy trình đánh giá chất lượng nội bộ;
- Xây dựng chính sách bản quyền mềm dẻo;
- Xây dựng năng lực đội ngũ trong quản lí và phát triển các OER;
- Xây dựng hạ tầng ICT đủ mạnh để giảng viên và sinh viên tiếp cận, sử dụng và khai thác thuận lợi;
- Định kì xem xét, đánh giá và cập nhật các thành tựu mới trong phát triển OER.

Liên quan đến giải pháp cuối cùng, một xu thế đột phá hiện nay trong phát triển OER là triển khai các khóa học MOOC. Trung Quốc là một nước đang phát triển đi tiên phong trong việc khai thác và phát triển các MOOC theo nhiều hướng: tiếp nhận các khóa học MOOC có chất lượng cao và phù hợp của nước ngoài; tổ chức dịch các bài giảng và tài liệu học tập MOOC sang tiếng Trung Quốc; cung cấp các MOOC có chất lượng của chính các giảng viên Trung Quốc. Các cộng đồng theo học MOOC, như cộng đồng Coursera, cũng đang hình thành ở khắp nơi. Quanh nước ta, tính đến cuối năm 2013, cộng đồng Coursera Bắc Kinh có 234 thành viên, Seoul 183, Tokyo 177, Thượng Hải 162, Jakarta 159, Manila 141, Bangkok 126, Kuala Lumpur 63. Ở nước ta, cộng đồng Coursera ở Thành phố Hồ Chí Minh gồm 123 thành viên, ở Hà Nội gồm 66 thành viên. Như vậy, MOOC cũng đã lan đến nước ta. Tháng 8/2013, Giáp Văn Dương cũng đã sáng lập Giapschool với tư cách là nhà cung ứng đầu tiên của Vietnam các MOOC miễn phí bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, tất cả mới chỉ dừng lại ở đó. Các trường đại học, đặc biệt các đại học quốc gia và đại học vùng, dường như vẫn chưa có động thái gì đặc biệt trong việc linh hôi và áp dụng các MOOC.

4.4. Giải pháp phát triển các tài liệu giáo khoa mở

Đại hội OER thế giới 2012 đã ra Tuyên bố khuyến nghị chính phủ các nước bảo đảm rằng các tài liệu giáo dục dựa vào ngân sách công phải được cung ứng tới người dân theo các giấy phép mở, như vậy vừa đem lại lợi ích thực sự cho người dân, vừa nâng cao hiệu quả của đầu tư công. Điều đó nghĩa là sách giáo khoa, cũng như các kết quả nghiên cứu khoa học, nếu sử dụng kinh phí nhà nước, tức là tiền đóng thuế của dân thì



phải được coi như một lợi ích công và được cung ứng miễn phí như một OER. Tuy nhiên, trên thực tế, điều này không dễ thực hiện bởi nó đụng chạm tới lợi ích của các nhà xuất bản. Ở nước ta còn một khó khăn nữa là học sinh nghèo, học sinh vùng sâu vùng xa không thể có máy tính cũng như điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng ICT để sử dụng và hưởng lợi ích của sách giáo khoa điện tử. Đó là các rào cản cần xem xét khắc phục bởi lẽ tài liệu giáo khoa mở đang là một xu thế trong giáo dục mở và chắc chắn sẽ trở thành phổ biến trong tương lai. Các biện pháp cần tổ chức thực hiện là:

- Cùng với việc hoàn thiện mạng băng rộng đến hầu hết số thôn, bản, đảm bảo hầu hết các hộ gia đình trên cả nước sử dụng các dịch vụ số theo yêu cầu của QĐ 175 về Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông", cần xây dựng chính sách cung cấp máy tính miễn phí hoặc giá rẻ cho các học sinh thuộc diện thiệt thòi, như gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, thuộc địa bàn kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Trên cơ sở đó, từng bước triển khai chương trình giáo khoa mở.

- Xây dựng một wiki về tài liệu giáo khoa, tức là một ứng dụng web theo kiểu wikipedia, để các nhà giáo, nhà khoa học, cán bộ quản lý, những người tâm huyết với giáo dục có thể đưa lên mạng các bài giảng, từng chương sách giáo khoa, thậm chí cả một bản thảo sách giáo khoa để mọi người truy nhập, sử dụng, trao đổi, góp ý, bổ sung, hoàn thiện ngày một tốt hơn. Với dự kiến triển khai một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa cho chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 thì đây là một giải pháp cần được xem xét thực hiện để có những sách giáo khoa có chất lượng.

5. Kết luận

Trong giáo dục, Việt Nam có một điểm mạnh nổi bật là thường có những chủ trương đón đầu sự vận động của thực tiễn giáo dục. Năm 1992, chủ trương "phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu" là một minh chứng điển hình về sự đón đầu đó. Vào thời gian đó, ngoài nước Pháp quy định trong luật rằng giáo dục là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu của quốc gia, hầu như chẳng có mấy quốc gia có sự phát biểu tường minh như vậy về vai trò đang trở thành đặc biệt quan trọng của giáo dục. Chỉ vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, với nhận thức giáo dục vừa là động lực cho việc thực hiện nền kinh tế tri thức, vừa là hạ tầng xã hội cho việc hình thành xã hội tri thức, giáo dục mới được đặt ở vị trí trung tâm của các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở hầu hết mọi quốc gia.

Chủ trương hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng xây dựng hệ thống giáo dục mở cũng là một chủ trương mang tính đón đầu như vậy. Cho đến nay, dù giáo dục mở đã có bước tiến vượt bậc với các OER và đang tạo nên sự đột phá với MOOC, nhưng nó vẫn chủ yếu là một phong trào với những sáng kiến từ cơ sở. Các chính phủ, dù đã có rất nhiều tuyên bố về việc chuyển sang hệ thống giáo dục suốt đời, nhưng chưa

mấy chính phủ có tuyên bố chính thức về việc chuyển sang hệ thống giáo dục mở. Đây là vấn đề thời gian và vì thế có thể nói chủ trương xây dựng hệ thống giáo dục mở của Việt Nam là mang tính đón đầu.

Có điều, cùng với điểm mạnh nêu trên là một điểm yếu căn bản. Đó là từ chủ trương đến chính sách và từ chính sách đến tổ chức thực hiện luôn có những khoảng cách đáng lo ngại. Chủ trương "phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu" đến nay vẫn chưa thực sự được thực hiện, mặc dù điểm yếu này đã được nhắc đến khá nhiều lần trên các văn kiện của Đảng. Vì vậy, hoàn toàn có cơ sở để lo ngại rằng chủ trương xây dựng giáo dục mở cũng vẫn chỉ dừng lại trên văn bản.

Bài viết này muốn chỉ ra các rào cản trên con đường xây dựng giáo dục mở ở nước ta, từ đó đề xuất một số giải pháp ban đầu cho việc tổ chức thực hiện. Có thể thấy các giải pháp này không khó khăn và tốn kém. Điều quan trọng là quyết tâm và nhất quán trong thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daniel, J & Uvalic-Trumbic, S. 2012. *Fostering Governmental support for open educational resources internationally*. 5th Regional Policy Forum Asia-Pacific, Bangkok 23-24/4/2012
2. Hoosen, S. 2012. Survey on government's OER policies. Vancouver: Commonwealth of Learning; Paris: UNESCO
3. Marginson, S. 2012. Yes, MOOC is the global higher education game changer. University World News Global Edition Issue 234, 12 August 2012.
4. OECD, 2007, *Giving knowledge for free: The emergence of open educational resources*. Paris: OECD
5. UNESCO & COL, 2011, *A basic guide to open educational resources*. Paris: UNESCO và Vancouver: COL
6. UNESCO & COL. 2011b. *Guidelines for open educational resources in higher education*.
7. Weller, M. 2012. *The openness-creativity cycle in education – A perspective*. Journal of interactive media in education. JIME <http://jime.open.ac.uk/2012/02>

SUMMARY

The article refers to an open education construction in Vietnam. The author presents the specific contents: 1/ Impact of the open education on life-long-learning; 2/ Barriers to develop an open education system in general and in Vietnam in particular; 3/Solutions to develop an open education system in Vietnam, they are: to improve people's awareness of the open education; to build and develop policy on open education; to develop open education resources; to increase open textbook materials. These solutions are not so expensive and challenging thanks to our implementation determination and consistency.